TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ny: 26 - 4 - 2021
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hùng Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Trong Ny 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST-DS Ny 05 tháng 11 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-DS Ny 25 tháng 02 năm 2021; Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/TBXX.ST Ny 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH A (Công tyA).

Địa chỉ: 101 P, phường T, quận Ninh K, TP. C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C và Nguyễn Lê Minh T. Chức vụ: Nhân viên.

(Văn bản ủy quyền số 064/2020/GUQ.A Ny 08/9/2020).

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, TP. C.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C trình bày: Ny 14/6/2016, Công ty TNHH A và ông Trần Minh N có ký hợp đồng số 642/HT2016. Theo hợp đồng thì Công ty sẽ bán vật tư nông nghiệp cho bên mua là ông N để phục vụ cho việc sản xuất nông sản, ông N có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa cho công ty vào cuối vụ. Trường hợp thanh toán trễ hạn phải chịu phạt chậm thanh toán với mức lãi suất là 1,1%/30 Ny.

Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH A đã cung cấp đầy đủ số lượng vật tư nông nghiệp theo yêu cầu của ông N. Tuy nhiên, phía ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho Công ty.

Hai bên có đối chiếu công nợ thông qua "Sổ chi tiết đơn vị mua" tính đến Ny 31/01/2017, ông N còn nợ 169.933.513 đồng. Công ty đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhỡ để yêu cầu ông N thanh toán nợ, nhưng ông N vẫn không hợp tác trả nợ.

Tính đến Ny 01/9/2020, tổng số tiền ông N nợ là 276.687.621 đồng đã bao gồm tiền lãi phạt thanh toán trễ hạn là 106.754.108 đồng với mức lãi suất 1,1%/30 Ny tính từ sau Ny đối chiếu công nợ là Ny 01/02/2017 đến 01/09/2020 là 43 tháng.

Do đó, Công ty TNHH A khởi kiện buộc ông Trần Minh N trả ngay số tiền nợ là 169.933.513 đồng cùng tiền lãi phạt do chậm thanh toán trễ hạn là 106.754.108 đồng tính từ Ny 01/02/2017 đến Ny 01/9/2020 với mức lãi suất 1,1%/30 Ny văn cứ vào Điều 2 của Hợp đồng số 642/HT2016. Tổng số tiền ông N phải cho Công ty TNHH A LÀ 276.687.621 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ Ny nộp đơn khởi kiện đến khi xét xử với mức lãi suất 10%/năm tính trên số nợ gốc 169.933.513 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn N trả số nợ gốc 169.933.513 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 70.805.630 đồng tính từ Ny 01/02/2017 đến Ny xét xử là Ny 26/4/2021 (tính tròn 50 tháng), với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông Trần Minh N làm việc, lấy lời khai, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo qui định.

Ông Trần Minh N vắng mặt tại phiên tòa, nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến: Về việc tuân

theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký thực hiện đúng theo qui đinh của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Trần Minh N chưa thực hiện đúng qui định về việc có mặt khi được Tòa án triệu tập. Hồ sơ giao cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian qui định. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* là đúng qui định.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A buộc bị đơn Trần Minh N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH A số nợ 240.739.143 đồng (nợ gốc 169.933.513 đồng và tiền lãi 70.805.630 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH A khởi kiện ông Trần Minh N về việc đòi nợ theo Hợp đồng mua bán tài sản các bên thỏa thuận. Nay các đương sự có phát sinh tranh chấp nên xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*", bị đơn Trần Minh N có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Ông Trần Minh N đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo qui định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH A yêu cầu ông Trần Minh N phải trả nợ, trên cơ sở là các tài liệu chứng cứ là Hợp đồng Đầu tư vật tư Nông nghiệp cho Nông dân số 642/HT2016 Ny 14/6/2016, sổ mua chi tiết đơn vụ mua từ Ny 01/10/2016 đến 31/01/2017, các chứng cứ này đều có chữ ký xác nhận của ông Trần Minh N. Nên giao dịch về việc mua bán tài sản là vật tư nông nghiệp là có thật. Tính đến Ny 31/01/2017 ông Trần Minh N còn nợ Công ty TNHH A số tiền gốc là 169.933.513 đồng.

Đối với ông Trần Minh N trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến để làm rõ vụ án, về việc có hay không việc ông N ký hợp Hợp đồng Đầu tư vật tư Nông nghiệp số 642/HT2016 Ny 14/6/2016, số tiền đã trả, số tiền còn nợ như đại diện theo ủy quyền của Công tyA trình bày, nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nào gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của mình. Như vậy, ông N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý theo qui định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, trong đó có tài liệu, chứng cứ do Công tyA giao nộp. Xét các tài liệu, chứng cứ do Công tyA giao nộp đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xác định là chứng cứ. Do đó Công tyA yêu cầu ông N trả số nợ gốc còn nợ 169.933.513 đồng là có cơ sở.

[4] Về mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng: Theo sự thỏa thuận giữa Công tyA và ông N tại Điều 2 của Hợp đồng số 642/HT2016 về thanh toán trễ hạn là "Mức lãi suất phạt là 1,1%/30 Ny tính trên số tiền thanh toán trễ hạn. Theo sổ chi tiết đơn vị mua có chữ ký các nhận của ông N thì tính đến Ny 31/01/2017 ông N còn nợ cuối kỳ là 169.933.513 đồng, nên thời hạn bắt đầu tính tiền lãi là Ny 01/02/2017 như yêu cầu của Công tyA là có cơ sở. Tại phiên tòa, Công tyA yêu cầu ông N trả lãi chậm thanh toán từ Ny 01/02/22017 đến Ny xét xử (26/04/2021) là 04 năm 02 tháng 25 Ny, đại điện Công tyA đề nghị tính tròn 50 tháng với mức lãi suất 10%/năm (0,8333%/tháng) trên số tiền nợ gốc 169.933.513 đồng với số tiền yêu cầu trả lãi là 70.805.630 đồng, yêu cầu này là sự tự nguyện của của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông N phải trả cho Công tyA là 240.739.143 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí 12.036.000 đồng (240.739.143 đồng x 5%); nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp Dụng: Điều 430, Điều 440 Bộ Luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với ông Trần Minh N.

Buộc ông Trần Minh N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 240.739.143 đồng (nợ gốc 169.933.513 đồng, nợ lãi 70.805.630 đồng).

Kể từ Ny tiếp theo của Ny xét xử sơ thẩm (27/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Minh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Ông Trần Minh N phải chịu 12.036.000 đồng (tròn số) án phí dân sự sơ thẩm; Công ty TNHH A được nhận lại tiền tạm ứng án phí 6.917.000 đồng, đã nộp theo biên lai số 013414 Ny 05/11/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ.

Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny, kể từ Ny tuyên án; ông Trần Minh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny, kể từ Ny nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Tp. Cần Thơ;*
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- *Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Kiệt